TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GR
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 7 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GR, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Phùng Thị Loan** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*: Ông **Châu Hoa Đăng** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Kiều T**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp 20, xã P, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Tân Gia B**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp 20, xã P, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà và ông Nguyễn Tân Gia B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới theo phong tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ trước đến nay bà và ông Ba không đăng ký kết hôn với ai. Trong thời gian chung sống, ông Ba thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện chửi bới, đánh đập bà, đập phá đồ đạc trong gia đình. Bà đã hết lời khuyên nhủ nhưng ông Ba không sửa đổi.

Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng bà đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ba.

- *Về con chung:* Thời gian chung sống bà và ông Ba có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng S sinh ngày 01 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Văn T sinh ngày 01 tháng 12 năm 2008, hiện các con chung đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông Ba cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà và ông Ba không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tân Gia B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Tân Gia B là vợ chồng. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng S sinh ngày 01 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Văn T sinh ngày 01 tháng 12 năm 2008 cho bà Trang nuôi dưỡng, do bà Trang không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Tân Gia B có địa chỉ tại ấp 20, xã P, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Về tố tụng: Do bà Trang có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Ba đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bà Trang, ông Ba là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Về hôn nhân: Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà Trang và ông Ba có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, thực tế bà Trang và ông Ba đã sống chung với nhau như vợ chồng và nay bà Trang có yêu cầu ly hôn nên theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Tân Gia B là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Trong quá trình chung sống bà Trang và ông Ba có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng S sinh ngày 01 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Văn T sinh ngày 01 tháng 12 năm 2008, hiện các cháu đang sống cùng bà Trang. Cháu Sáng và cháu Tỏa có nguyện vọng được sống với bà Trang, ngoài ra chính quyền địa phương ấp 20, xã P, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu xác định bà Trang nuôi dưỡng, chăm sóc tốt về sức khỏe cũng như việc học hành cho các cháu. Phía ông Ba không đến Tòa án đã thể hiện ý chí không có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, việc giao cháu Sáng và cháu Tỏa cho bà Trang được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Bà Trang không yêu cầu ông Ba cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông Ba có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trang xác định bà và ông Ba không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[8] Về án phí: Bà Trang phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Ba không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Tân Gia B là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng S sinh ngày 01 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Văn T sinh ngày 01 tháng 12 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị Kiều T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Nguyễn Tân Gia B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về cấp dưỡng:* Bà Nguyễn Thị Kiều T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Kiều T xác định bà và ông Nguyễn Tân Gia B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Kiều T đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008659 ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ. Ông Nguyễn Tân Gia B không phải chịu án phí.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã GR;
- CCTHADS thị xã GR;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhi